

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST
Ngày: 19/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Long.
2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2025/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Phan Văn T, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1978; nơi sinh: Tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); căn cước công dân số: 052078011236; nơi cư trú: số B đường L, phường Q, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nhân viên công ty cổ phần P; Giáo viên dạy lái xe trường Cao đẳng cơ điện xây dựng và Nông lâm trung bộ; Đảng viên Chi bộ 9, phường Q, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan N, sinh năm 1923 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1933; vợ là chị Bùi Tiến Trung H1, sinh năm 1980; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Bị hại: Ông Phạm Đình V, sinh năm 1985; nơi cư trú khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn P, xã C Gia Lai) (Chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Đình V:

+ Bà Phan Thị Thu S (1992); nơi cư trú khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn P, xã C, tỉnh Gia Lai). Có mặt.

+ Ông Phạm X (1964); nơi cư trú khu phố T, thị trấn C, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai); Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Thu S (1992) Có mặt.

2. Cháu Phạm Nhật H2 (2020) Vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn P, xã C, tỉnh Gia Lai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 35 phút ngày 07/6/2025, Phan Văn T (1978) trú số nhà B L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là B L, phường Q, tỉnh Gia Lai), có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe ô tô biển số 77A-327.14 với tốc độ khoảng 70 km/h lưu thông trên Quốc lộ A trên làn đường sát dải phân cách cố định theo hướng T-Đông. Khi đến đoạn đường Km 00+950 thuộc khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn P, xã C, tỉnh Gia Lai) - đây là đoạn đường được trải nhựa tương đối bằng phẳng, thông thoáng có dải phân cách cố định phân chia thành 02 phần đường lưu thông ngược chiều riêng biệt; phần đường phía Bắc đi hướng ngã tư G; phần đường phía Nam đi hướng Khu kinh tế Nhơn Hội (rộng 07m, được phân chia thành 02 làn đường, làn đường phía Nam rộng 3.42m, làn đường phía Bắc rộng 3.58m).

Phan Văn T nhìn thấy phía trước cùng chiều cách khoảng 30m có ông Phạm Đình V (1985) trú khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn P, xã C, tỉnh Gia Lai) điều khiển xe mô tô biển số 77E1-783.78 chở vợ là Phan Thị Thu S (1992) ngồi sau và con trai là Phạm Nhật H2 (2020) ngồi phía trước với tốc độ khoảng 30 km/h, trên cùng làn đường với T ở vị trí sát dải phân cách cố định, T vẫn giữ nguyên tốc độ cho xe chạy đến. Lúc này xe ô tô do T điều khiển bắt đầu đi qua đoạn đường giao nhau với đường không ưu tiên, Thừa chỉ quan sát các phương tiện đến từ đường không ưu tiên, thiếu chú ý quan sát phía trước nên khi vừa qua khỏi vị trí giao nhau, Thừa nhìn về phía trước thì thấy ông V điều khiển xe chuyển hướng sang phải, Thừa bóp còi đạp phanh nhưng khoảng cách giữa xe của T và xe ông V quá gần, T xử lý không kịp dẫn đến đầu xe ô tô biển số 77A-327.14 do T điều khiển tông vào đuôi xe và bánh sau xe mô tô biển số 77E1-783.78 của ông V xảy ra tai nạn.

Hậu quả: ông Phạm Đình V, bà Phan Thị Thu S và cháu Phạm Nhật H2 bị thương được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B (nay là Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh G). Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, ông V chết trong quá trình cấp cứu.

Ngày 16/6/2025, Trung tâm pháp y tỉnh G có Bản kết luận giám định tử thi số 187/KLGĐTT-PYBD kết luận nguyên nhân chết của Phạm Đình V: chấn thương gây gãy cột sống cổ chèn ép tủy, chấn thương sọ não vỡ sọ, chảy máu nội sọ chèn ép não + đa thương tích điều trị không hồi phục.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh G giám định mức độ tổn thương cơ thể của Phan Thị Thu S và Phạm Nhật H2. Qua làm việc bà S từ chối việc đi giám định đối với mẹ con bà, Điều tra viên đã thực hiện thủ tục dẫn giải đi giám định đối với S, H2 nhưng bà S không chấp hành. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã đề nghị Trung tâm pháp y tỉnh G tiến hành giám định thương tích đối với bà S, H2 tại nơi cư trú và giám định qua hồ sơ nhưng Trung tâm pháp y tỉnh G từ chối thực hiện.

Kết quả xét nghiệm nồng độ Ethanol (cồn) trong máu và kết quả xét nghiệm nước tiểu của Phan Văn T tại Trung tâm y tế huyện P vào ngày 08/6/2025 là 0 mg/dL và âm tính với các chất ma túy.

Vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ và đã xử lý trả lại cho ông Phan Văn T: 01 xe ô tô biển số 77A-237.14 cùng giấy tờ liên quan.

Cơ quan điều tra tạm giữ và đã xử lý trả lại cho bà Phan Thị Thu S: 01 xe mô tô biển số 77E1- 783.78 cùng giấy tờ liên quan.

Dân sự: Phan Văn T đã bồi thường tổng cộng số tiền 536.322.928 đồng. Đại diện gia đình Phạm Đình V đã bãi nại không yêu cầu thêm về dân sự, đồng thời xin giảm trách nhiệm hình sự cho Phan Văn T.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSK3 ngày 24 tháng 11 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Phan Văn T1 tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phan Văn T về tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của người bị hại đã có đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Phan Văn T2 lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hiện nay bị cáo còn nuôi vợ bị bệnh, các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo Phan Văn T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ án, phù hợp với kết luận giám định pháp y và phù hợp với những chứng cứ khác do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã được thu thập. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Vào vào lúc 18 giờ 35 ngày 07/6/2025 tại Km00+950 thuộc khu phố P, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn P, xã P, tỉnh Gia Lai) bị cáo Phan Văn T3 khiển xe ô tô biển số 77A-327.14 tham gia giao thông đường bộ thiếu chú ý quan sát phía trước, không giữ khoảng cách an toàn nên khi bị cáo T điều khiển xe vừa qua khỏi vị trí giao nhau với đường không ưu tiên, nhìn về phía trước thì thấy ông V điều khiển xe mô tô biển số 77E1-783.78 chở Phạm Thị Thu S1 và Phạm Nhật H2 chuyển hướng sang phải, bị cáo Thừa bóp còi đạp phanh nhưng khoảng cách giữa xe của bị cáo T và xe ông V quá gần, bị cáo T xử lý không kịp dẫn đến đầu xe ô tô do bị cáo T điều khiển va chạm trực tiếp với đuôi xe mô tô của ông V. Hậu quả vụ tai nạn làm ông Phạm Đình V1, bà Phạm Thị Thu S1 và cháu Phạm Nhật H2 bị thương.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phan Văn T4 người có đủ điều kiện để nhận thức được phương tiện xe ô tô tham gia giao thông trên đường là nguồn nguy hiểm cao độ, nếu người điều khiển xe ô tô không tuân thủ các quy định của Luật giao thông đường bộ sẽ gây hậu quả đối với tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Nhận thức được như vậy nhưng bị cáo điều khiển xe ô tô nhưng thiếu chú ý quan sát, hậu quả làm ông Phạm Đình V chết. Hành vi của bị

cáo đã vi phạm quy định tại vi phạm khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 3 Điều 12 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ. Hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ trên của bị cáo đã gây ra hậu quả làm ông Phạm Đình V1. Do đó hành vi của bị cáo Phan Văn T đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tính mạng của con người là một trong những khách thể quan trọng được Bộ luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự, an toàn giao thông.

[5] Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện lẽ ra xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn nhưng xét thấy bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do tính mạng của bị hại bị xâm phạm; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng có thể giáo dục bị cáo, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[6] Xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe và tài sản cho người bị hại. Người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Xét về vật chứng của vụ án: Hội đồng xét xử không xét.

[8] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”, nhưng xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Phan Văn T phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phan Văn T 5 (Mươi lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19 tháng 12 năm 2025).

2.2. Giao bị cáo Phan Văn T 6 Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phan Văn T 7 đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2.3. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phan Văn T 8 ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Phan Văn T 9 chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Văn T 9 chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19 tháng 12 năm 2025).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Phòng THADS khu vực 3 – Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu VP- HSVA;
- THA phạt tù.

Nguyễn Đình Toàn